

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hòa.

Các Thẩm phán: Ông Cao Việt Hoàng và bà Nguyễn Thị Minh Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Văn Bình- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 53/2025/TLPT-HS ngày 12 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Văn X và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2025/HS-ST ngày 08 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Nguyễn Văn X, sinh năm 1962, tại Bắc Ninh; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn LX, xã NĐ, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Đảng viên: Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị khai trừ Đảng ngày 03/9/2014; Con ông Nguyễn Văn T, đã chết và con bà Nguyễn Thị T1, đã chết; Gia đình có 06 chị em, bị cáo là con thứ năm. Vợ: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1962; con: có 02 con, con lớn sinh năm 1982, con nhỏ sinh năm 1983; tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Tại Bản án số 41/2017/HSST ngày 11/8/2017, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xử 04 năm 06 tháng tù về tội “Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 280 Bộ luật hình sự, chịu 200.000 đồng án phí HSST và cấm đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến lĩnh vực đất đai và quản lý hành chính Nhà nước trong thời hạn 01 năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù. Đến ngày 31/01/2022, chấp hành xong các quyết định của bản án.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt.

2. Nguyễn Văn S, sinh năm 1963, tại Bắc Ninh; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn ĐT, xã NĐ, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Đảng viên: Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng ngày 05/10/2021; con ông Nguyễn Văn P, đã chết và con bà Nguyễn Thị Ph, đã chết; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai. Vợ: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1963; con: có 02 con, con lớn sinh năm 1983, con nhỏ sinh năm 1985; tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt.

3. Đỗ Duy T, sinh năm 1960, tại Bắc Ninh; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn TĐ, xã NĐ, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Đảng viên: Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng ngày 01/11/2024; con ông Đỗ Duy M, đã chết và con bà Lê Thị T2, đã chết; Gia đình có 08 anh em, bị cáo là con thứ năm. Vợ: Lê Thị H, sinh năm 1962; con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1982, con nhỏ nhất sinh năm 1987; tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt.

4. Tạ Huy T3, sinh năm 1957, tại Bắc Ninh; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn KT, xã NĐ, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Tạ Huy T4, đã chết và con bà Nguyễn Thị Tr, đã chết; Gia đình có 08 anh em, bị cáo là con thứ năm. Vợ: Tạ Thị B, sinh năm 1957; con: có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1978, con nhỏ nhất sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Tại Bản án số 02/2015/HSST ngày 15/01/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xử phạt Tạ Huy T3 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tại Bản án số 174/2016/HSPT ngày 31/3/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xử miễn trách nhiệm hình sự đối với Tạ Huy T3.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, đang tại ngoại tại địa phương. **Có đơn xin xét xử vắng mặt.**

5. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1963, tại Bắc Ninh; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn LX, xã ND, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Đảng viên: Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị khai trừ khỏi Đảng năm 2019; con ông Nguyễn Văn D, đã chết và con bà Nguyễn Thị N, đã chết; Gia đình có 06 anh em, bị cáo là con thứ năm. Vợ: Nguyễn Thị B, sinh năm 1963; con: có 02 con, con lớn sinh năm 1986, con nhỏ sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt.

6. Đỗ Văn Đ1, sinh năm 1958, tại Bắc Ninh; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn ĐV, xã ND, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn Gi, đã chết và con bà Nguyễn Thị X, đã chết; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Vợ: Nguyễn Thị M, sinh năm 1969; con: có 06 con, con lớn sinh năm 1984, con nhỏ sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không

Tại Bản án số 74/2019/HSST ngày 26/11/2019, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh Bắc Ninh xử 18 tháng tù về tội “Đánh bạc” và “Gá bạc” theo quy định tại Điều 321, 322 Bộ luật hình sự, chịu 200.000 đồng án phí HSST. Đã chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 13/01/2020, ngày 23/11/2020 chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, đang tại ngoại tại địa phương. **Có đơn xin xét xử vắng mặt.**

7. Lê Văn L, sinh năm 1968, tại Bắc Ninh; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn ĐT, xã ND, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Đảng viên: Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng ngày 28/6/2022; con ông Lê Văn L1, đã chết và con bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1942; Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Vợ: Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1969; con: có 02 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1991 (đã chết); tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt.

8. Nguyễn Xuân Kh1, sinh năm 1980, tại Bắc Ninh; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn ĐT, xã ND, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Đảng viên: Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị

đình chỉ sinh hoạt Đảng ngày 28/6/2022; con ông Nguyễn Xuân Th, sinh năm 1952 và con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ hai. Vợ: Phùng Thị H, sinh năm 1981; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt.

9. Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1979, tại Bắc Ninh; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn ĐT, xã NĐ, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Đảng viên: Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng ngày 28/6/2022; Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1960 và con bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1959; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Vợ: Nguyễn Thị H5, sinh năm 1978; con: có 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt.

10. Phùng Văn Th1, sinh năm 1976, tại Bắc Ninh; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn ĐT, xã NĐ, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Đảng viên: Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng ngày 28/6/2022; Con ông Phùng Ngọc T, đã chết và con bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1940; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ tư. Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1979; con: có 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt.

11. Đặng Thái D, sinh năm 1974, tại Bắc Ninh; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn ĐV, xã NĐ, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng ngày 28/6/2022; Con ông Đặng Xuân Ch, đã chết và con bà Đỗ Thị H, sinh năm 1949; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Vợ: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1981; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt.

12. Tạ Hữu H, sinh năm 1960, tại Bắc Ninh; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn KT, xã NĐ, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình

độ học vấn: 10/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Đảng viên: Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng ngày 01/11/2024; Con ông Tạ Hữu C, đã chết và con bà Nguyễn Thị M, đã chết; Gia đình có 06 anh em, bị cáo là con thứ ba. Vợ: Đỗ Thị M1, sinh năm 1965; con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1985, con nhỏ nhất sinh năm 1990; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt.

13. Hoàng Thế Tr1, sinh năm 1961, tại Bắc Ninh; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn TĐ, xã NĐ, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Đảng viên: Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng ngày 01/11/2024; Con ông Hoàng Thế X, sinh năm 1935 (đã chết) và con bà Đỗ Thị S, đã chết; Gia đình có 07 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Vợ: Lê Thị L, sinh năm 1962; con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1984, con nhỏ nhất sinh năm 1991; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt.

14. Hoàng Văn K, sinh năm 1956, tại Bắc Ninh; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn TĐ, xã NĐ, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Đảng viên: Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị khai trừ khỏi Đảng năm 2014; Con ông Hoàng Văn K, đã chết và con bà Hoàng Thị S, đã chết; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Vợ: Hoàng Thị L, sinh năm 1958; con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1981, con nhỏ sinh năm 1986; Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2015/HSST ngày 15/01/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, bị cáo bị xử phạt 26 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 52 tháng về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999. Ngày 08/4/2019 chấp hành xong các quyết định của Bản án.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt.

Trong vụ án này còn có bị cáo Nguyễn Đức T3 có kháng cáo, sau đó bị cáo đã rút toàn bộ kháng cáo, Tòa án cấp phúc thẩm đã ra Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo T3. Ngoài ra, còn có 19 bị cáo khác và 317 bị hại; 14 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn X, sinh năm 1962, HKTT: Thôn LX, xã NĐ, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã NĐ từ tháng 8/1997 đến hết tháng 10/2010. Giữ chức vụ Phó Bí thư Đảng ủy xã NĐ từ năm 2005 đến năm 2010. Giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy xã NĐ từ tháng 11/2010 đến hết tháng 10/2014.

Nguyễn Văn S, sinh năm 1963, HKTT: Thôn ĐT, xã NĐ, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh giữ chức vụ Kế toán xã NĐ từ tháng 07/2008 đến tháng 10/2010. Từ tháng 11/2010 đến tháng 01/2020 giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã NĐ.

Đỗ Duy T, sinh năm 1960, HKTT: Thôn TĐ, xã NĐ, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh giữ chức vụ Phó bí thư đảng ủy xã NĐ từ năm 2008 đến năm 2011.

Đặng Thái D, sinh năm 1974, HKTT: Thôn ĐV, xã NĐ, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh giữ chức vụ Kế toán xã NĐ từ tháng 09/2011 đến tháng 5/2017.

Tạ Huy T3, sinh năm 1957, HKTT: Thôn KT, xã NĐ, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh giữ chức vụ Thủ quỹ xã NĐ từ năm 2004 đến năm 2018.

Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1963, HKTT: Thôn LX, xã NĐ, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh giữ chức vụ cán bộ địa chính xã NĐ từ tháng 10/2004 đến tháng 8/2011. Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2007 - 12/2008, Đ đi học Trung cấp lý luận chính trị (hệ tập trung) khóa 27 tại Trường chính trị Nguyễn Văn Cừ tỉnh Bắc Ninh.

Xuất phát từ nhu cầu xây dựng các công trình phúc lợi của địa phương và nhu cầu đất ở của người dân trên địa bàn xã NĐ. Trong giai đoạn năm 2005-2013, Nguyễn Văn X với vai trò là Chủ tịch; Bí Thư Đảng ủy xã NĐ cùng UBND xã NĐ đã giao, bán trái thẩm quyền các thửa đất trên địa bàn xã NĐ.

Tại cuộc họp Ban chấp hành Đảng ủy, X khai có xin ý kiến của Đảng ủy xã NĐ về việc bán đất. Tại thời điểm đó, Nguyễn Văn T4 sinh năm 1964, HKTT: Thôn ĐT, xã NĐ, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh là Bí thư Đảng ủy xã nhiệm kỳ 2005-2010 cho phép UBND xã NĐ bán đất khu Mương Am và vườn cây sau nghĩa trang thôn LX; Khu Đồn Tháp thôn KT; Khu Thùng Lò thôn ĐT; Khu trệ Đàm Đông và lòng Đàm Đông thôn ĐV tạo nguồn vốn xây dựng công trình phúc lợi xã từ năm 2008-2011, đã được Đảng ủy xã nhất trí thông qua các cuộc họp Ban chấp hành Đảng ủy bàn về việc xây dựng nghĩa trang xã NĐ do Nguyễn Văn T4 - Bí thư chủ trì và nhất trí việc tạo nguồn bằng việc giao, bán đất công ích do UBND xã quản lý ở khu vực Đàm Đông, Đàm Tây thôn ĐV, đồng thời giao cho UBND xã tổ chức thực hiện và trích nghị quyết. Tháng 6/2009 Đảng ủy xã NĐ ra Nghị quyết và giao cho UBND xã tìm nguồn xây dựng các công trình của địa phương thì UBND xã đã họp đi đến thống nhất bán

khu công Cam thôn ĐV. Việc bán đất được thông báo rộng rãi trên loa truyền thanh của xã đến các thôn, không tổ chức đấu thầu mà ai đến đăng ký mua đất thì bán và thỏa thuận giá bán giao cho X tổ chức thực hiện. Sau đó Đỗ Duy T là người trích các Nghị quyết 02/3/2008, 02/3/2010, 15/7/2010, 12/9/2011).

Đầu tháng 11/2010, Nguyễn Văn S - Chủ tịch UBND xã báo cáo Nguyễn Văn X - Bí thư Đảng ủy xã về việc thiếu nguồn kinh phí xây dựng công trình phúc lợi trên địa bàn xã và xin ý kiến cho phép UBND xã NĐ tạo nguồn kinh phí bằng việc bán giao đất ở khu Mương Am thôn LX. X đồng ý và đưa nội dung này ra cuộc họp Đảng ủy xã NĐ thường niên tháng 11/2010 chỉ đạo UBND xã tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết Đảng ủy xã NĐ ngày 02/02/2010 và tháng 6/2010 về việc tạo nguồn kinh phí xây dựng công trình phúc lợi. Để thực hiện theo Nghị quyết của Đảng ủy xã NĐ, Nguyễn Văn S đã mở cuộc họp chỉ đạo việc thực hiện giao bán đất ở khu Mương Am cho các hộ dân có đất ruộng ở khu Mương Am và các hộ có nhu cầu mua đất ở để thống nhất mức đền bù đất ruộng và giá tiền đất cụ thể: giá đền bù đất nông nghiệp là 200.000đ/m² và giá tiền mua đất ở là 1.100.000 đồng/m². Tuy nhiên, do khu đất Mương Am có đường điện đi qua, thung vũng sâu, khó khăn cho việc san lấp nên không có hộ dân nào đăng ký mua. Vì vậy, S đã xin ý kiến của X cho hạ mức giá bán tùy theo từng lô đất đẹp và xấu các hộ tự trả giá, UBND xã thấy phù hợp sát với giá dự kiến thì bán. X đồng ý. Sau đó, S chỉ đạo Nguyễn Văn Đ cán bộ địa chính vẽ sơ đồ, phân lô khu đất ở mương Am và đến thực địa đo đất giao đất cho các hộ dân, chỉ đạo Nguyễn Đức H1, Tạ Huy T3 thu tiền, viết phiếu giao cho các hộ dân mua đất.

Khoảng tháng 01/2011, do vẫn thiếu nguồn kinh phí chi trả công trình phúc lợi, phục vụ nông thôn mới, S tiếp tục xin ý kiến của X cho UBND xã NĐ triển khai việc bán đất khu Trệ Đàm Đông thôn ĐV để tạo nguồn xây dựng đường bê tông từ thôn ĐV đến trung tâm xã NĐ. Thực hiện Nghị quyết của Đảng ủy xã tháng 6/2010, X đã đồng ý giao cho UBND xã tổ chức thực hiện. UBND xã đã bán 13 thửa đất.

Năm 2012, UBND xã NĐ có bán đất khu vực thôn QT, do trước đó vào năm 2010, S có xin ý kiến của X cho bán đất khu vực thôn QT và khu Mương An thôn LX (như đã nêu ở trên). X đồng ý và thực hiện theo Nghị quyết của năm 2009 của Đảng ủy nhiệm kỳ 2005-2010 và Nghị quyết (giai đoạn T4 là Bí Thư, X là Chủ tịch, kiêm phó Bí thư và T là Phó Bí thư).

Việc bán đất được thông báo rộng rãi trên loa truyền thanh của xã đến các thôn, không tổ chức đấu thầu mà ai đến đăng ký mua đất thì bán và thỏa thuận giá bán. Việc thu tiền của các hộ dân đều thể hiện rõ ở các phiếu thu tiền có đầy đủ chữ ký của kế toán, thủ quỹ và chủ tài khoản và biên bản bàn giao đất có đầy

đủ chữ ký của cán địa chính và đại diện UBND xã. Toàn bộ số tiền thu từ việc giao, bán đất ở các khu trên đều đã nộp vào quỹ tiền mặt của UBND xã và sử dụng vào việc chi trả xây dựng công trình công ích trên địa bàn xã và các cá nhân nêu trên không được hưởng lợi gì từ việc giao bán đất nêu trên.

- Hành vi của Nguyễn Văn X: Nguyễn Văn X – Chủ tịch UBND xã NĐ (giai đoạn 2005 -2010) là người đứng đầu, chỉ đạo các cá nhân giữ chức vụ Đảng ủy, UBND xã NĐ và Ban quản lý các thôn xã NĐ thực hiện hành vi giao bán đất trái thẩm quyền cụ thể:

+ Trong thời gian giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã NĐ, X đã giao, bán 342 thửa đất không đúng thẩm quyền cho 275 hộ dân (Trong đó các Hộ chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đủ điều kiện để được công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã gây thiệt hại cho nhà nước số tiền 954.597.240 đồng.

Các hộ không đủ điều kiện để được công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã gây thiệt hại cho người dân số tiền là 12.545.625.500 đồng.

+ Trong thời gian là Bí thư đảng ủy xã NĐ, X đồng ý, giao cho UBND xã NĐ giai đoạn Nguyễn Văn S là Chủ tịch UBND xã bán các lô đất tại khu Trê Đàm Đông thôn ĐV, khu thưng lò thôn YN và khu Mương Am thôn LX để lấy kinh phí chi trả cho việc xây dựng các công trình phúc lợi của địa phương. UBND xã NĐ đã tiến hành giao bán 40 thửa đất trái thẩm quyền cho 29 hộ dân.

Các hộ chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đủ điều kiện để được công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 141.708.090 đồng.

Các hộ không đủ điều kiện để được công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã gây thiệt hại cho người dân số tiền 2.952.000.000 đồng.

- Hành vi của Nguyễn Văn S:

+ Trong thời gian giữ chức vụ Kế toán xã NĐ, S thực hiện nhiệm vụ theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND xã NĐ, tham gia bán trái thẩm quyền 200 thửa đất trên địa bàn xã NĐ cho 166 hộ. Trong đó:

Các hộ chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đủ điều kiện để được công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 649.023.940 đồng.

Các hộ không đủ điều kiện để được công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã gây thiệt hại cho người dân số tiền là 9.368.900.000 đồng.

+ Trong thời gian giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã NĐ, S chỉ đạo các cá nhân giữ chức vụ trong UBND xã NĐ, Ban quản lý thôn ĐV, ĐT, YN giao, bán trái thẩm quyền 68 thửa đất trên địa bàn xã NĐ cho 50 hộ. Trong đó:

Các hộ ông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đủ điều kiện để được công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 141.708.090 đồng.

Các hộ không đủ điều kiện để được công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã gây thiệt hại cho người dân số tiền là 6.558.800.000 đồng.

- Hành vi của Tạ Huy T3:

Trong thời gian giữ chức vụ Thủ quỹ xã NĐ, T3 thực hiện nhiệm vụ theo sự chỉ đạo của Chủ tịch UBND xã NĐ (giai đoạn Nguyễn Văn X chủ tịch và Nguyễn Văn S chủ tịch), tham gia bán trái thẩm quyền 300 thửa đất trên địa bàn xã NĐ cho 247 hộ dân. Trong đó: Các hộ chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đủ điều kiện để được công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 969.365.230 đồng.

Các hộ không đủ điều kiện để được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã gây thiệt hại cho người dân số tiền là 13.623.480.000 đồng.

- Hành vi của Đỗ Duy T

Trong thời gian giữ chức vụ Phó Bí thư đảng ủy xã NĐ năm 2008, 2009, 2010 T đã ký, ban hành 04 bản Trích nghị quyết giao cho UBND xã NĐ bán các thửa đất trên địa bàn để lấy kinh phí xây dựng các công trình phúc lợi của địa phương. Thực hiện theo các bản Trích nghị quyết do Đỗ Duy T ban hành, UBND xã NĐ đã tiến hành giao bán 93 thửa đất trên địa bàn xã NĐ cho 80 hộ dân. Trong đó:

Các hộ chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đủ điều kiện để được công nhận và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 497.852.120 đồng.

Các hộ không đủ điều kiện để được công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã gây thiệt hại cho người dân số tiền là 6.936.100.000 đồng.

- Hành vi của Đặng Thái D:

+ Trong thời gian giữ chức vụ Kế toán thôn ĐV, D thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng thôn ĐV, tham gia bán trái thẩm quyền 18 thửa đất trên địa bàn thôn ĐV cho 18 hộ dân. Trong đó:

Các hộ chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đủ điều kiện để được công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 17.505.600 đồng.

Các hộ không đủ điều kiện để được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã gây thiệt hại cho người dân số tiền 191.050.000 đồng (phiếu thu cuối cùng ngày 01/11/2006)

+ Trong thời gian giữ chức vụ Kế toán xã NĐ năm 2011, 2012, D thực hiện nhiệm vụ theo sự chỉ đạo của Chủ tịch UBND xã NĐ, tham gia bán trái thẩm quyền 22 thửa đất trên địa bàn xã NĐ cho 19 hộ dân. Trong đó:

Các hộ không đủ điều kiện để được công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã gây thiệt hại cho người dân số tiền là 1.077.900.000 đồng (phiếu thu cuối cùng ngày 30/12/2012).

- Hành vi của Nguyễn Văn Đ:

+ Trong thời gian giữ chức vụ Cán bộ địa chính xã NĐ (giai đoạn Nguyễn Văn X là Chủ tịch UBND xã), Đ thực hiện nhiệm vụ theo sự chỉ đạo của Chủ tịch UBND xã, tham gia giao trái thẩm quyền 204 thửa đất trên địa bàn xã NĐ cho 154 hộ dân. Trong đó:

Các hộ chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đủ điều kiện để được công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 571.728.890 đồng.

Các hộ không đủ điều kiện để được công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gây thiệt hại cho người dân số tiền là 8.948.740.000 đồng.

+ Trong thời gian giữ chức vụ Cán bộ địa chính xã NĐ (giai đoạn Nguyễn Văn S là Chủ tịch UBND xã), Đ thực hiện nhiệm vụ theo sự chỉ đạo của Chủ tịch UBND xã, tham gia giao trái thẩm quyền 34 thửa đất cho 33 hộ dân. Trong đó:

Các hộ chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đủ điều kiện để được công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đã gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 70.560.000 đồng.

Các hộ không đủ điều kiện để được công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gây thiệt hại cho người dân số tiền là 2.749.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TT tiến hành làm việc với các hộ dân mua đất của UBND xã NĐ, Ban quản lý các thôn ĐV, ĐT, YN, TĐ, KT, QT và LX. Quá trình làm việc với các hộ dân trình bày diện tích đất đã mua, số tiền nộp phù hợp với tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TT thu thập được.

CÁC CÁ NHÂN TRONG CHI BỘ, BAN QUẢN LÝ CÁC THÔN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĐ

1. Ban quản lý thôn ĐV:

Giai đoạn từ năm 2005 đến năm 2013, Ban quản lý thôn ĐV, xã NĐ gồm:

- Nguyễn Văn T5, sinh năm 1958 trú tại thôn ĐV, xã NĐ giữ chức vụ Bí thư chi bộ thôn từ năm 2004 đến tháng 9/2013.

- Đỗ Văn Đ1, sinh năm 1958 trú tại thôn ĐV, xã NĐ giữ chức vụ Trưởng thôn từ năm 2005 đến năm 2013.

- Nguyễn Đức P, sinh năm 1955 trú tại thôn ĐV, xã NĐ giữ chức vụ Thủ quỹ từ năm 2005 đến 10/2009, Kế toán từ năm 2006 đến 2012.

- Đặng Thái D, sinh năm 1974 trú tại thôn ĐV, xã NĐ giữ chức vụ Kế toán thôn năm 2005 đến 2006.

- Nguyễn Thảo Ng, sinh năm 1977 trú tại thôn ĐV, xã NĐ giữ chức vụ Thủ quỹ thôn từ tháng 10/2009 đến tháng 2/2010.

- Nguyễn Văn Đ2, sinh năm 1947 trú tại thôn ĐV, xã NĐ giữ chức vụ Thủ quỹ thôn năm 2012.

- Nguyễn Thị Kh2, sinh năm 1984 trú tại thôn ĐV, xã NĐ giữ chức vụ Kế toán thôn từ năm 2012 đến năm 2015.

- Nguyễn Thu H3, sinh năm 1981 trú tại thôn ĐV, xã NĐ giữ chức vụ Thủ quỹ thôn ĐV năm 2013 đến năm 2015.

- **Hành vi của Đỗ Văn Đ1:** Trong thời gian giữ chức vụ Trưởng thôn ĐV từ năm 2005 đến năm 2013 với vai trò là người đứng đầu, Đ1 cùng các cá nhân giữ chức vụ trong Ban quản thôn ĐV, UBND xã NĐ giao, bán trái thẩm quyền 107 thửa đất cho 81 hộ dân. Trong đó, các hộ chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đủ điều kiện để được công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gây thiệt hại cho nhà nước số tiền 60.551.300 đồng. Các hộ còn lại không đủ điều kiện để được công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gây thiệt hại cho người dân số tiền là 3.259.800.000 đồng.

2. Ban quản lý thôn ĐT:

Ban quản lý thôn ĐT từ năm 2008 đến năm 2012 gồm:

Lê Văn L, sinh năm 1968, HKTT: thôn ĐT, xã NĐ, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh giữ chức vụ Trưởng thôn từ năm 2008 đến tháng 11/2009; giữ chức vụ Bí thư chi bộ thôn từ năm 2009 đến năm 2018.

Nguyễn Xuân Kh1, sinh năm 1980, HKTT: thôn ĐT, xã NĐ giữ chức vụ kế toán thôn từ tháng 7/2007 đến tháng 8/2009. Từ tháng 8/2009 đến hết năm 2012 giữ chức vụ Trưởng thôn. Từ tháng 8/2013 đến tháng 5/2016 là cán bộ văn phòng UBND xã; từ tháng 6/2016 đến tháng 6/2021 giữ chức vụ Phó chủ tịch UBND xã; từ tháng 7/2021 giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã.

Phùng Văn Th1, sinh năm 1976, HKTT: thôn ĐT, xã NĐ giữ chức vụ Kế toán thôn từ tháng 6/2009 đến năm 2016.

Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1979, HKTT: thôn ĐT, xã NĐ giữ chức vụ Thủ quỹ thôn từ năm 2009-2012.

+ Trong thời gian Lê Văn L giữ chức vụ trưởng thôn và Nguyễn Xuân Kh1 - Kế toán thôn năm 2008, 2009 cùng UBND xã NĐ giao, bán đất tại khu Thùng Lò thôn ĐT. Ban quản lý thôn ĐT viết Phiếu thu, thu của các hộ dân số tiền là 186.000.000 đồng. Các hộ dân đều không đủ điều kiện để được công

nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã gây thiệt hại cho các hộ dân số tiền 186.000.000 đồng (phiếu thu cuối cùng 30/6/2009).

+ Trong thời gian Lê Văn L là Bí thư chi bộ thôn, Nguyễn Xuân Kh1 - Trưởng thôn, Nguyễn Văn Tr thủ quỹ, Phùng Văn Th1 kế toán thôn từ năm 2009 đến năm 2012 đã tiến hành giao, bán đất trái thẩm quyền 32 thửa đất cho 18 hộ dân. Trong đó, Các hộ chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đủ điều kiện để được công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền là 72.374.400 đồng; Các hộ mua không đủ điều kiện để được công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gây thiệt hại cho người dân số tiền 1.835.651.000 đồng (Phiếu thu cuối cùng 27/11/2011).

3. Ban quản lý thôn LX:

Giai đoạn 2009-2010, Ban quản lý thôn LX gồm: Nguyễn Tiến L6, sinh năm 1957 - Bí Thư (chết năm 2021). Nguyễn Văn Ng1, sinh năm 1962 - Trưởng thôn. Nguyễn Văn T3, sinh năm 1966 - Kế toán. Nguyễn Bạch Đ2, sinh năm 1953 - Thủ quỹ.

Năm 2009, Nguyễn Văn Ng1 báo cáo xin ý kiến Nguyễn Văn X - Chủ tịch UBND xã NĐ về việc bán đất ở khu Trại áp dinh và vườn cây nghĩa trang) thôn LX để lấy kinh phí xây dựng Nhà văn hóa thôn LX. X đồng ý. Sau đó, Ng1, Đ2 và T3 tổ chức bán một số thửa đất tại khu đất trại cho các hộ dân tại khu Trại áp dinh và tham gia cùng UBND xã giao, bán đất ở khu vườn cây nghĩa trang thôn LX. Đối với số tiền thu được từ việc bán đất, Ban quản lý thôn LX nộp 60.000.000đ về ngân sách xã NĐ (được thể hiện bằng phiếu chi ngày 18/12/2009), số tiền còn lại được sử dụng chi trả cho việc xây dựng Nhà văn hóa thôn LX.

4. Ban quản lý thôn TĐ:

- Giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2011, Ban quản lý thôn TĐ, xã NĐ gồm:

+ Hoàng Xuân Kh2, sinh năm 1951 ở thôn TĐ, xã NĐ - Giữ chức vụ Bí thư chi bộ thôn từ 2009 đến tháng 3/2011.

+ Đỗ Duy H2, sinh năm 1944 ở thôn TĐ, xã NĐ - Giữ chức vụ Trưởng thôn từ năm 2007 đến 7/2009.

+ Lê Anh T3, sinh năm 1960 ở thôn TĐ, xã NĐ - Giữ chức vụ Trưởng thôn từ tháng 8/2009 đến 7/2011.

+ Hoàng Thế Tr1, sinh năm 1961 ở thôn TĐ, xã NĐ - Giữ chức vụ Kế toán thôn từ năm 2007 đến năm 2011.

+ Hoàng Văn K, sinh năm 1965 ở thôn TĐ, xã NĐ giữ chức vụ Thủ quỹ thôn từ năm 2007 đến năm 2011

+ Nguyễn Văn Th3, sinh năm 1958 ở thôn TĐ, xã NĐ – Giữ chức vụ Trưởng thôn năm 2013.

+ Đỗ Duy S1, sinh năm 1969 ở thôn TĐ, xã NĐ - Giữ chức vụ Thủ quỹ thôn năm 2013.

+ Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1967 ở thôn TĐ, xã NĐ – Giữ chức vụ Kế toán thôn năm 2013.

Đề có kinh phí xây dựng Nhà văn hóa thôn TĐ, Ban quản lý thôn TĐ giao đoạn Hoàng Xuân Kh2 - Bí thư; Đỗ Duy H2 - Trưởng thôn tại cuộc họp Đảng nhật ngày 03/8/2009, họp chi bộ tháng 11/2009, 03/3/2010, 03/7/2010 do Hoàng Xuân Kh2 chủ trì đã họp thống nhất tạo nguồn kinh phí thông qua việc giao bán đất ở các khu trên địa bàn thôn TĐ cho các hộ dân.

- Hành vi của Đỗ Duy H2, Hoàng Thế Tr1, Hoàng Văn K:

Đỗ Duy H2 với vai trò là Trưởng thôn, Hoàng Văn K - Thủ quỹ thôn, Hoàng Thế Tr1- Kế toán thôn năm 2008, 2009 bán trái thẩm quyền 24 thửa đất cho 21 hộ dân. Trong đó, các hộ chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đủ điều kiện để được công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 19.159.000 đồng. Các hộ còn lại không đủ điều kiện để được công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gây thiệt hại cho người dân số tiền là 319.846.000 đồng. (Phiếu thu cuối 21/02/2009).

- Hành vi của Lê Anh Tuấn, Hoàng Xuân Khu, Hoàng Văn K và Hoàng Thế Tr1:

Lê Anh T3 với vai trò là trưởng thôn, Hoàng Xuân Kh2 – Bí thư chi bộ, Hoàng Văn K là Thủ quỹ thôn, Hoàng Thế Tr1 là Kế toán thôn năm 2010, 2011 đã bán đất trái thẩm quyền cho các hộ chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đủ điều kiện để được công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 58.032.000 đồng. Các hộ còn lại không đủ điều kiện để được công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gây thiệt hại cho người dân số tiền 134.700.000 đồng (phiếu thu cuối 28/7/2011).

5. Ban quản lý thôn KT:

Từ năm 2008 – 2012, Ban quản lý thôn KT, xã NĐ gồm:

+ Tạ Hữu H, sinh năm 1960 ở thôn KT, xã NĐ - Giữ chức vụ Bí thư chi bộ thôn từ 2004 – 2013.

+ Tạ Huy B1 sinh năm 1960 ở thôn KT, xã NĐ giữ chức vụ Trưởng thôn từ tháng 11/2007 đến tháng 4/2011.

+ Tạ Huy Kh2, sinh năm 1973 ở thôn KT, xã NĐ - Giữ chức vụ Trưởng thôn từ năm 2011 đến tháng 8/2013.

+ *Tạ Huy T3, sinh năm 1966 ở thôn KT, xã ND - Giữ chức vụ Kế toán thôn từ tháng 11/2007 đến tháng 7/2011.*

+ *Nguyễn Văn H5, sinh năm 1965 ở thôn KT, xã ND - Giữ chức vụ Kế toán thôn từ năm 2011 đến năm 2013.*

+ *Trần Văn N, sinh năm 1947 ở thôn KT, xã ND - Giữ chức vụ Thủ quỹ thôn từ năm 2007 đến hết năm 2012.*

Để có kinh phí xây dựng Nhà văn hóa thôn KT, giai đoạn Tạ Huy B1 là Trưởng thôn, Tạ Hữu H là Bí thư chi bộ, Tạ Huy T3 là Kế toán thôn, Trần Văn N là Thủ quỹ tại cuộc họp chi bộ thôn ngày 03/9/2008, 24/10/2009, 24/11/2009, Tạ Hữu H ra Nghị quyết chi bộ thôn KT bán đất ở khu vườn Anh Sờ. Nghị quyết “Tập trung bán đất để đối ứng xây dựng nhà văn hóa” cụ thể là bán đất khu “Chỗ”, tức khu Đụn Tháp và khu Mải Sờ. Nghị quyết tiếp tục bán một số lô đất khu “Chỗ”, tức khu Đụn Tháp, ao ông Thuì, ao ông Hiên và một số ao khác trên địa bàn thôn KT:

- **Hành vi của Tạ Hữu H là Bí thư chi bộ xuyên suốt 02 giai đoạn trưởng thôn (Tạ Huy B1, Tạ Huy Kh2)** đã giao, bán trái thẩm quyền 22 thửa đất cho 22 hộ dân, thu số tiền 629.600.000 đồng. Trong đó, các hộ chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đủ điều kiện để được công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 32.200.000đ đồng. Các hộ còn lại không đủ điều kiện để được công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gây thiệt hại cho người dân số tiền 928.200.000 đồng.

6. Ban quản lý thôn YN:

- **Giai đoạn Nguyễn Văn T5 là Trưởng thôn, Đỗ Viết H5 - Kế toán, Đỗ Viết Nh5 - Thủ quỹ:** Để có kinh phí xây dựng đường giao thông thôn YN, ban quản lý thôn YN đã giao, bán đất trái thẩm quyền cho các hộ dân sau:

1. 01 thửa đất diện tích 180m² ở khu đồng Thẩn thuộc thôn YN với số tiền 27.500.000đ.

2. 02 thửa đất gồm: Thửa số 422, diện tích 180, tờ bản đồ số 2 thuộc khu Đồng Thẩn thôn YN với số tiền 25.000.000đ. Thửa số 286, diện tích 180, tờ bản đồ số 2 thuộc khu Đồng Thẩn thôn YN với số tiền 25.000.000đ.

3. 01 thửa đất diện tích 180m² ở khu đồng Thẩn thuộc thôn YN với số tiền 27.500.000đ.

4. 01 thửa đất có diện tích 240m² ở khu đồng Thẩn thuộc thôn YN với số tiền 36.600.000đ.

5. 01 thửa đất có diện tích 200m² ở khu đồng Thẩn thuộc thôn YN với số tiền 30.540.000đ.

Tại Văn bản số 78 ngày 17/4/2024 của phòng Tài Nguyên và Môi trường thị xã TT) xác định không đủ điều kiện để được công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất trên.

- Giai đoạn Đồ Viết H6 là Trường thôn, Đồ Viết H5 - Kế toán, Đồ Viết Nh5 - Thủ quỹ: Để có kinh phí xây dựng đường giao thôn, ban quản lý thôn YN đã giao, bán đất trái thẩm quyền cho các hộ dân sau:

Đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

1. 01 thửa đất diện tích 674m² khu ao sau Đồng thôn YN với số tiền 87.300.000đ.

Tại Văn bản số 182 ngày 26/10/2022 của phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện TT xác định đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phù hợp với quy định và Hướng dân liên ngành của tỉnh Bắc Ninh số 04/LN:STNMT-STC-STP-CT ngày 24/10/2013.

Không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

1. 01 thửa đất diện tích 155m² thuộc thôn YN với số tiền 46.500.000đ.

2. 02 thửa đất tại khu ao Cửa lỗ thôn YN, thửa thứ nhất diện tích 430m² với số tiền 98.900.000đ. Thửa còn lại diện tích 150m² với số tiền 37.500.000đ.

3. 01 thửa đất diện tích 202m² thuộc khu ao Dài thôn YN với số tiền 32.000.000đ.

4. 05 thửa đất khu ao Dài thuộc thôn YN gồm: diện tích 300m² với số tiền 18.000.000đ; diện tích 300m² với số tiền 38.400.000đ; diện tích 279,9m² với số tiền 13.000.000đ; diện tích 300m² với số tiền 39.000.000đ; diện tích 300m² với số tiền 18.000.000đ.

5. 01 thửa đất diện tích 400m² thuộc khu ao Dài, thôn YN với số tiền 30.000.000đ.

6. 01 thửa đất diện tích 202m² tại khu Ao dài thôn YN với số tiền 32.000.000đ.

7. 02 thửa đất tại khu ao Dài thôn YN, thửa thứ nhất diện tích 180m². Thửa còn lại diện tích 170m² với tổng số tiền là 26.600.000đ.

8. 02 thửa đất tại thôn YN, gồm thửa số 425, diện tích 214,7m², tờ bản đồ số 2, với số tiền 21.500.000đ. Thửa số 328, diện tích 218,1m², tờ bản đồ số 2 với số tiền 21.500.000đ.

Tại Văn bản số 182 ngày 26/10/2022 của phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện TT xác định không đủ điều kiện để xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất trên.

9. 01 thửa đất 202m² tại ao dài thôn YN với số tiền 31.500.000đ.

Tại Văn bản số 29 ngày 29/01/2024 của phòng Tài Nguyên và Môi trường thị xã TT xác định không đủ điều kiện để được công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên.

Đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

1. 01 thửa đất diện tích 160,8m² tại đồng Thấn thôn YN với số tiền 25.000.000đ.

Tại Văn bản số 29 ngày 29/1/2024 của phòng Tài Nguyên và Môi trường thị xã TT xác định đủ điều kiện để được công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại Kết luận định giá tài sản số 13 ngày 7/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản thị xã TT xác định giá trị quyền sử dụng thửa đất tại thời điểm năm 2009 là 18.009.600 đồng.

- **Giai đoạn Nguyễn Đức T7 là Trưởng thôn, Đỗ Viết H5 là Kế toán, Nguyễn Văn T6 là Thủ quỹ:** Để có kinh phí xây dựng công trình phúc lợi thôn, Ban quản lý thôn YN đã cùng UBND xã NĐ giao bán đất trái thẩm quyền cho các hộ dân sau:

1. 01 thửa đất số 368 (lô số 2), diện tích 202m², tờ bản đồ số 2 khu thưng Lò thôn YN với số tiền 200.000.000đ.

2. 01 thửa đất 365 (lô số 3), diện tích 200m², tờ bản đồ số 2 khu thưng Lò thôn YN với số tiền 200.000.000đ.

Tại Văn bản số 182 ngày 26/10/2022 của phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện TT xác định không đủ điều kiện để xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất trên.

3. Năm 2012, ban quản lý thôn cùng UBND xã tiến hành thu hồi diện tích đất ao Thưng lò thôn YN do hộ ông Trần Xuân Đ5, sinh năm 1978 ở YN, xã NĐ đang thuê thầu để bán làm đất ở, đồng thời thỏa thuận bồi thường cho ông Đ5 số tiền 200.000.000đ đối trừ vào 01 thửa đất diện tích 200m² tại Thưng lò (Ban quản lý thôn viết phiếu thu). Ngoài ra, ưu tiên bán cho ông Đ5 01 thửa đất diện tích 200m² (thửa đất số 415, tờ bản đồ số 2) thuộc khu thưng Lò thuộc thôn YN với số tiền 150.00.000đ như đã nêu ở trên. Trong đó ban quản lý thôn YN viết 01 phiếu thu tiền là 200.000.000 đồng, riêng Nguyễn Đức T7 tham gia giao đất cả 02 thửa này.

Tại văn bản số 175 ngày 29/11/2021 của Phòng tài nguyên và môi trường huyện TT xác định 02 thửa đất không đủ điều kiện để được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

7. Các cá nhân giữ chức vụ trong ban quản lý thôn QT:

Ban quản lý thôn QT, xã NĐ năm 2011-2012 gồm:

- Nguyễn Ngọc Ph1, sinh năm 1959 ở thôn QT, xã NĐ - Giữ chức vụ Trưởng thôn QT năm 2008.

- Hoàng Đức C1, sinh năm 1968 ở thôn QT, xã NĐ - Giữ chức vụ Trưởng thôn từ năm 2011.

- Nguyễn Văn G1, sinh năm 1966 ở thôn QT, xã NĐ – Giữ chức vụ Kế toán kiêm Thủ quỹ thôn từ năm 2011.

Năm 2011 và 2012 thực hiện chủ trương của Đảng ủy UBND xã NĐ về việc cho phép thôn QT xây dựng nhà văn hóa, tại cuộc họp quân dân chính thôn QT ngày 18/3/2011, 24/3/2011, 10/3/2012, Hoàng Đức C1 đã thông qua kế hoạch tạo nguồn vốn để xây dựng nhà văn hóa thôn thông qua việc giao, bán một số thửa đất ở khu vực cửa làng giáp nương con thôn QT, trước cửa máy sát nhà ông Phòng cho các hộ dân và xin ý kiến của Nguyễn Văn S –Chủ tịch UBND xã NĐ cụ thể như sau:

1. 02 thửa đất gồm: thửa số 112 xứ đồng Cửa Làng, tờ bản đồ số 01, diện tích 190,9m² với giá 229.000.000đ được thể hiện bằng phiếu thu ngày 16/10/2012. Thửa đất số 114 xứ đồng Cửa Làng, tờ bản đồ số 01, diện tích 182,8m² năm 2012, với số tiền 237.500.000đ.

2. 01 thửa đất số 113 xứ đồng Cửa Làng, tờ bản đồ số 01, diện tích 187m² năm 2012 với số tiền 224.000.000đ.

3. 01 thửa đất số 121 xứ đồng Cửa Làng, tờ bản đồ số 01, diện tích 215m² năm 2011 với số tiền 215.000.000đ.

4. 01 thửa đất số 123 xứ đồng Cửa Làng, tờ bản đồ số 01, diện tích 141,8m² năm 2011 với số tiền 229.600.000đ.

5. 01 thửa đất số 124 xứ đồng Cửa Làng, tờ bản đồ số 01, diện tích 130,8m² năm 2011 với số tiền 261.600.000đ.

Tại văn bản số 48 ngày 10/3/2023 của phòng Tài nguyên và Môi trường huyện TT xác định không đủ điều kiện để xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất trên.

Hoàng Văn C1 và Nguyễn Văn G1 trình bày việc xây dựng nhà văn hóa thì UBND xã NĐ là chủ đầu tư, trước khi bán đất có xin ý kiến của Nguyễn Văn S - Chủ tịch xã được S đồng ý. Sau đó số tiền bán đất thôn QT đã nộp số tiền 700.000.000 đồng vào tài khoản của UBND xã NĐ tại Kho bạc Nhà nước ngày 08/9/2014. Số tiền còn lại thanh toán cho bên thi công theo Biên bản thương thảo Hợp đồng ngày 02/10/2014 giữa bên A là UBND xã NĐ và bên B là công ty Thắng Th5 và Bí thư, trưởng thôn QT, số còn lại ban quản lý thôn mua đất, cát san lấp mặt bằng xây tường bao và các công trình phụ trợ cho nhà văn hóa. Việc bán đất để xây dựng nhà văn hóa và các công trình phúc lợi tại địa phương C1 và G1 không được hưởng lợi gì.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TT tiến hành làm việc với các hộ dân mua đất của UBND xã NĐ, Ban quản lý các thôn ĐV,

ĐT, YN, TĐ, KT, QT và LX. Quá trình làm việc với các hộ dân trình bày diện tích đất đã mua, số tiền nộp phù hợp với tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TT thu thập được.

Với nội dung trên, Bản án số 31/2025/HSST ngày 08/3/2025 của Tòa án nhân dân thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn X, Nguyễn Văn S, Đỗ Duy T, Tạ Huy T3, Nguyễn Văn Đ, Đặng Thái D, Đỗ Văn Đ1, Lê Văn L, Nguyễn Xuân Kh1, Nguyễn Văn Tr, Phùng Văn Th1, Tạ Hữu H, Hoàng Thế Tr1, Hoàng Văn K phạm tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”

Áp dụng khoản 3, Điều 356; các điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Văn X 10 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 3, Điều 356; các điểm b, s, x, u khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt: Nguyễn Văn S 08 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 3, Điều 356; các điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt: Nguyễn Văn Đ 08 năm tù. Đỗ Duy T 06 năm tù. Thời hạn tù đối với mỗi bị cáo tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 3, Điều 356; các điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt Tạ Huy T3 07 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 3, Điều 356; các điểm b, s, u, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58; khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt: Đặng Thái D 36 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 3, Điều 356; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt: Lê Văn L, Nguyễn Xuân Kh1 và Đỗ Văn Đ1 mỗi bị cáo 07 năm tù. Thời hạn tù đối với mỗi bị cáo tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 3, Điều 356; các điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt: Phùng Văn Th1 từ 07 năm tù. Nguyễn Văn Tr 08 năm tù. Thời hạn tù đối với mỗi bị cáo tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 2, Điều 356; các điểm b, s, x (đối với bị cáo H) khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17, Điều 58, khoản

1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt: Tạ Hữu H, Hoàng Thế Tr1 mỗi bị cáo 36 tháng tù. Thời hạn tù đối với mỗi bị cáo tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 2, Điều 356; các điểm b, s, v, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt: Hoàng Văn K 42 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên tội danh, hình phạt đối với các bị cáo khác, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10, 17, 18/3/2025, bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Xuân Kh1, Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Văn Th1, Lê Văn L, Tạ Hữu H, Nguyễn Văn Đ, Đỗ Văn Đ1, Hoàng Văn K, Hoàng Thế Tr1, Nguyễn Văn X, Đỗ Duy T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 10/3/2025, bị cáo Tạ Huy T3 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; cùng ngày bị cáo tiếp tục có đơn kháng cáo xin xem xét lại tội danh, về phân trách nhiệm dân sự, xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 17/3/2025, bị cáo Đặng Thái D có đơn kháng cáo xin cho bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 19/3/2025, bị cáo Nguyễn Đức T3 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 11/4/2025, bị cáo T3 có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo, chấp nhận Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã TT.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T3, bị cáo Đ1 xin xét xử vắng mặt và trình bày thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo T3 chỉ đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo Hoàng Thế Tr1, Tạ Hữu H, Đặng Thái D và Nguyễn Văn Tr bổ sung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, các bị cáo còn lại giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và thừa nhận bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” là đúng, không oan. Các bị cáo đều trình bày hành vi của các bị cáo xuất phát vì lợi ích chung, không vụ lợi cá nhân, toàn bộ số tiền bán đất đều sử dụng trả cho việc xây dựng công trình công cộng của địa phương. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái, bản thân phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, án sơ thẩm xử phạt các bị cáo như vậy là nặng, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo Đ xin rút lại phần kháng cáo về trách nhiệm dân sự của các bị cáo đối với hộ bà Nguyễn Thị Yên, để các bị cáo tự giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi nhận xét vụ án và phân tích hành vi phạm tội, đánh giá nhân thân, vai trò và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, xem xét kháng cáo đã xác định, đối với bị cáo Nguyễn Văn X và Đỗ Văn Đ1

không có tình tiết giảm nhẹ mới, cấp sơ thẩm đã xử phạt mức hình phạt phù hợp không nặng nên đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo X và bị cáo Đ1, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Đặng Thái D, Tạ Hữu H và Nguyễn Văn Tr là không phù hợp nên đề nghị HĐXX không chấp nhận. Tuy nhiên, đại diện Viện kiểm sát cho rằng tại phiên tòa các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới, một số bị cáo tích cực nộp tiền khắc phục hậu quả nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ của các bị cáo. Cụ thể, đề nghị xử phạt: Bị cáo S từ 7 đến 7 năm 6 tháng tù; bị cáo T từ 4 năm 6 tháng đến 5 năm 6 tháng tù; bị cáo Đ từ 7 năm đến 7 năm 6 tháng tù; bị cáo D, bị cáo H mỗi bị cáo 30 tháng tù; bị cáo L, bị cáo Kh1 mỗi bị cáo từ 6 năm đến 6 năm 6 tháng tù; bị cáo Th1, bị cáo Tr mỗi bị cáo từ 5 năm 6 tháng đến 6 năm tù; bị cáo T3 từ 5 năm 6 tháng đến 6 năm tù; bị cáo K từ 24 tháng đến 30 tháng tù. Riêng bị cáo Hoàng Thế Tr1 đề nghị giữ nguyên hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo không tranh luận với Đại diện Viện kiểm sát, chỉ mong HĐXX xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Riêng bị cáo Nguyễn Văn Tr có ý kiến đề nghị HĐXX xem xét áp dụng khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 03/2020 của HĐTPTANDTC xem xét vai trò để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp với ý kiến của bị cáo Tr, giữ nguyên quan điểm như đã phát biểu.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm vụ án, các cơ quan và người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, không bị khiếu nại. Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định, các bị cáo Nguyễn Văn X, Nguyễn Văn S, Đỗ Duy T, Tạ Huy T3, Nguyễn Văn Đ, Đặng Thái D, Đỗ Văn Đ1, Lê Văn L, Nguyễn Xuân Kh1, Nguyễn Văn Tr, Phùng Văn Th1, Tạ Hữu H, Hoàng Thế Tr1, Hoàng Văn K, Nguyễn Đức T3 có kháng cáo hợp lệ nên được chấp nhận để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Tạ Huy T3 và Đỗ Văn Đ1 có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do các bị cáo đang điều trị bệnh tại bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh và Bệnh viện y học cổ truyền và phục hồi chức năng tỉnh Bắc Ninh. HĐXX xét thấy việc vắng mặt của bị cáo T3 và bị cáo Đ1 không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do vậy, căn cứ vào Điều 290 BLTTHS, HĐXX quyết định tiến hành xét xử theo quy định.

Đối với bị cáo Nguyễn Đức T3 tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo trước khi đưa vụ án ra xét xử nên Tòa án cấp phúc thẩm đã ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo T3 là đúng quy định pháp luật.

[2]. Căn cứ vào lời khai nhận tội của các bị cáo, lời khai bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, có đủ cơ sở khẳng định:

Trong thời gian từ năm 2005 đến năm 2013, mặc dù không có Quyết định giao đất của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhưng các cá nhân giữ chức vụ trong Đảng ủy, UBND xã NĐ lợi dụng chức vụ quyền hạn là Bí thư, Chủ tịch, cán bộ Địa chính, Kế toán và Thủ quỹ xã, các cá nhân giữ chức vụ trong Cấp ủy Chi bộ, Ban quản lý các thôn (ĐV, QT, ĐT, KT, YN, TĐ, LX) đã lợi dụng chức vụ quyền hạn giao, bán đất trái thẩm quyền cho các hộ dân, cụ thể:

UBND xã NĐ:

Nguyễn Văn X giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã NĐ từ năm 1997 đến hết tháng 10/2010. Từ tháng 11/2010 đến tháng 10/2014 X giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy xã NĐ. Trong giai đoạn 2005 -2010 là người đứng đầu, chỉ đạo các cá nhân giữ chức vụ Đảng ủy, UBND xã NĐ và Ban quản lý các thôn xã NĐ thực hiện hành vi giao bán đất trái thẩm quyền:

+ Trong thời gian giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã NĐ, X đã giao, bán 342 thửa đất không đúng thẩm quyền cho 275 hộ dân gây thiệt hại tổng số tiền 13.500.222.830 đồng (thiệt hại cho nhà nước 954.597.240 đồng, thiệt hại cho người dân là 12.545.625.000 đồng).

+ Trong thời gian là Bí thư đảng ủy xã NĐ, X đồng ý, giao cho UBND xã NĐ giai đoạn Nguyễn Văn S là Chủ tịch UBND xã giao, bán đất trái thẩm quyền cho các hộ dân gây thiệt hại là 3.093.708.090 đồng (thiệt hại cho nhà nước là 141.708.090đ; thiệt hại cho người dân là 2.952.000.000đ).

Tổng thiệt hại hai thời kỳ là 16.593.930.920 đồng (Thiệt hại nhà nước 1.096.305.330đ; Thiệt hại người dân 15.497.625.000đ)

Nguyễn Văn S giữ chức vụ Kế toán xã NĐ từ tháng 07/2008 đến tháng 10 năm 2010. Từ tháng 11/2010 đến tháng 01/2020 S giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã NĐ.

+ Trong thời gian giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã NĐ, S chỉ đạo các cá nhân giữ chức vụ trong UBND xã NĐ, Ban quản lý thôn ĐV, ĐT, YN giao, bán đất trái thẩm quyền gây thiệt hại 6.700.508.090 đồng (thiệt hại cho nhà nước là 141.708.090đ; thiệt hại cho người dân là 6.558.800.000đ)

+ Trong thời gian giữ chức vụ Kế toán xã NĐ, S thực hiện nhiệm vụ theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND xã NĐ, tham gia bán đất trái thẩm quyền cho các hộ

dân gây thiệt hại là 10.017.923.094 đồng (thiệt hại cho nhà nước là 649.023.940 đồng; thiệt hại cho người dân là 9.368.900.000 đồng). Tổng thiệt hại hai hồi kỳ là 16.718.431.094 đồng (Thiệt hại Nhà nước: 790.732.030; Thiệt hại người dân 15.927.699.064).

Tạ Huy T3: Trong thời gian giữ chức vụ Thủ quỹ xã NĐ từ năm 2004 đến năm 2018, T3 thực hiện nhiệm vụ theo sự chỉ đạo của Chủ tịch UBND xã NĐ, tham gia giao, bán đất trái thẩm quyền cho các hộ dân gây thiệt hại 14.592.845.140 đồng (thiệt hại cho nhà nước 969.365.140đ và thiệt hại cho người dân là 13.623.480.000đ).

Đỗ Duy T: Trong thời gian giữ chức vụ Phó bí thư đảng ủy xã NĐ năm 2008, 2009, 2010 T đã ký, ban hành 04 bản Trích nghị quyết giao cho UBND xã NĐ bán các thửa đất trên địa bàn để lấy kinh phí xây dựng các công trình phúc lợi của địa phương. Thực hiện theo các bản Trích nghị quyết do Đỗ Duy T ban hành, UBND xã NĐ đã tiến hành giao bán đất cho các hộ dân gây thiệt hại 7.433.952.120đ (thiệt hại cho nhà nước 497.852.120đ; thiệt hại cho người dân là 6.936.100.000đ).

Đặng Thái D:

Trong thời gian từ tháng 09/2011 đến 2012 với vai trò là kế toán xã NĐ, D thực hiện nhiệm vụ theo sự chỉ đạo của Chủ tịch UBND xã NĐ, tham gia bán trái thẩm quyền cho các hộ dân gây thiệt hại cho người dân là 1.077.900.000 đồng (Phiếu thu cuối là 30/12/2012).

Trong thời gian là kế toán thôn ĐV, D đã cùng Ban quản lý thôn ĐV tham gia giao, bán đất trái thẩm quyền gây thiệt hại là 208.555.600 đồng (thiệt hại nhà nước là 17.505.600 đồng; thiệt hại cho người dân là 191.050.000đồng, phiếu thu 01/11/2006). Tổng thiệt hại là 1.286.455.600 đồng.

Nguyễn Văn Đ: Trong thời gian giữ chức vụ Cán bộ địa chính xã NĐ từ 10/2004 đến hết tháng 08/2011 (tháng 01/12/2007 – 31/12/2008 Đ đi học chương trình Trung cấp lý luận chính trị), giai đoạn Nguyễn Văn X là Chủ tịch UBND xã, Đ thực hiện nhiệm vụ theo sự chỉ đạo của Chủ tịch UBND xã, tham gia giao đất trái thẩm quyền cho các hộ dân gây thiệt hại là 9.520.468.890 đồng (thiệt hại cho nhà nước là 571.728.890đ; thiệt hại cho người dân 8.948.740.000đ).

Trong thời gian giữ chức vụ Cán bộ địa chính xã NĐ (giai đoạn Nguyễn Văn S là Chủ tịch UBND xã), Đ thực hiện nhiệm vụ theo sự chỉ đạo của Chủ tịch UBND xã, tham gia giao đất trái thẩm quyền cho các hộ dân gây thiệt hại 2.819.560.000đ (thiệt hại cho nhà nước là 70.560.000đ; thiệt hại cho người dân là 2.749.000.000đ). Tổng thiệt hại là 12.340.028.890 đồng.

Ban quản lý thôn ĐV:

Đỗ Văn Đ1: Trong thời gian giữ chức vụ Trưởng thôn ĐV từ năm 2005 đến năm 2013 với vai trò là người đứng đầu, Đ1 cùng các cá nhân giữ chức vụ trong Ban quản thôn ĐV, UBND xã NĐ giao, bán đất trái thẩm quyền cho các hộ dân gây thiệt hại là 3.320.351.800đ (thiệt hại cho nhà nước là 60.551.300đ và thiệt hại cho người dân là 3.259.800.000đ).

Ban quản lý thôn ĐT:

Trong thời gian Lê Văn L là Bí thư chi bộ thôn ĐT, Nguyễn Xuân Kh1 - Trưởng thôn ĐT, Nguyễn Văn Tr – Thủ quỹ. Phùng Văn Th1 – Kế toán thôn ĐT từ năm 2009 đến năm 2012 đã tiến hành giao, bán đất trái thẩm quyền cho các hộ dân gây thiệt hại là 1.908.025.400đ (thiệt hại cho nhà nước là 72.374.400đ; thiệt hại cho người dân là 1.835.651.000đ). Phiếu thu ngày cuối cùng 27/11/2011)

Ban quản lý thôn TĐ:

Đỗ Duy Hợi với vai trò là Trưởng thôn, Hoàng Văn K - Thủ quỹ thôn, Hoàng Thế Tr1 - Kế toán thôn năm 2008, 2009 bán đất trái thẩm quyền cho các hộ dân gây thiệt hại 339.005.500 đồng (Thiệt hại cho nhà nước 19.159.000đ; thiệt hại cho người dân là 319.846.500đ) (phiếu thu cuối 04/6/2009).

Hoàng Thế Tr1 kế toán và Hoàng Văn K thủ quỹ giai đoạn Lê Anh T5 là trưởng thôn đã giao, bán đất trái thẩm quyền cho các hộ dân gây thiệt hại là 192.732.000đồng (thiệt hại cho nhà nước là 58.032.000đ; cho người dân là 134.700.000đ) (Phiếu thu cuối ngày 28/7/2011). Tổng thiệt hại Tr1 và K gây ra là 531.737.500 đồng.

Ban quản lý thôn KT:

Tạ Hữu H là bí thư và Trần Văn N1 là thủ quỹ giai đoạn Tạ Huy B1 và Tạ Huy K2 là trưởng thôn đã giao bán đất trái thẩm quyền cho các hộ dân gây thiệt hại là 960.400.000đ (thiệt hại cho nhà nước là 32.200.000đ; thiệt hại cho người dân là 928.200.000đ).

Toàn bộ số tiền bán đất, UBND xã NĐ và Ban quản lý các thôn đều sử dụng vào phúc lợi tập thể của địa phương, các bị cáo không được hưởng lợi gì từ việc giao bán đất nêu trên.

Như vậy, các bị cáo đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn là Chủ tịch, Bí thư, cán bộ địa chính, kế toán xã NĐ, trưởng thôn, bí thư chi bộ thôn, thủ quỹ, kế toán các thôn đã có hành vi giao, bán trái thẩm quyền các thửa đất trên địa bàn xã NĐ.

Xét về động cơ phạm tội, các bị cáo đều khai, toàn bộ số tiền bán đất, UBND xã NĐ và Ban quản lý các thôn đều sử dụng vào các công trình phúc lợi

tập thể của địa phương, các bị cáo không được hưởng lợi gì từ việc giao bán đất nêu trên, không tư lợi cá nhân, đây chính là làm lợi không chính đáng cho tập thể.

Đối chiếu với khoản 6, khoản 7 Điều 3 Nghị quyết số: 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ thì thấy động cơ vụ lợi của các bị cáo trong vụ án này chính là hành vi làm trái quy định nhằm đạt được lợi ích vật chất không chính đáng cho tập thể UBND xã NĐ và các thôn trên địa bàn.

Do vậy, có đủ căn cứ để xét xử các bị cáo Nguyễn Văn X, Nguyễn Văn S, Đỗ Duy T, Tạ Huy T3, Nguyễn Văn Đ, Đặng Thái D, Đỗ Văn Đ1, Lê Văn L, Nguyễn Xuân Kh1, Nguyễn Văn Tr, Phùng Văn Th1 phạm tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” quy định tại khoản 3, Điều 356 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Tạ Hữu H, Hoàng Thế Tr1, Hoàng Văn K phạm tội: “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 356 Bộ luật Hình sự như bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã TT là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Trực tiếp xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của các cơ quan Nhà nước trong lĩnh vực quản lý về đất đai, làm mất uy tín, mất lòng tin của nhân dân vào các cơ quan quản lý Nhà nước và trực tiếp gây thiệt hại cho Nhà nước và người dân. Ngoài ra, hành vi của các bị cáo còn dẫn đến khiếu kiện kéo dài trong nội bộ quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Do đó cần phải xử lý nghiêm đối với các bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3]. Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và áp dụng Điều 54 BLHS để xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp, không nặng. Tuy nhiên, HĐXX xét thấy, các bị cáo đều có nhân thân tốt (trừ bị cáo X, K, Đ1 và bị cáo T3 có nhân thân xấu), phạm tội không có mục đích tư lợi cá nhân, toàn bộ số tiền thu được từ việc bán đất đều sử dụng làm đường, nhà văn hóa và các công trình phúc lợi của địa phương. Hơn nữa, tại cấp phúc thẩm các bị cáo Nguyễn Văn S, Đỗ Duy T, Tạ Huy T3, Nguyễn Văn Đ, Lê Văn L, Nguyễn Xuân Kh1, Nguyễn Văn Tr, Phùng Văn Th1, Đặng Thái D, Tạ Hữu H và Hoàng Văn K đều có tình tiết giảm nhẹ mới nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Cụ thể:

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo Tạ Huy T3 nộp thêm 188.000.000 đồng vào Chi cục thi hành án dân sự thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh để khắc phục hậu quả; ủng hộ tiền để làm đường giao thông nông thôn, hiến đất làm đường có xác nhận của Chủ tịch UBND xã NĐ. Bị cáo Tạ Hữu H có ủng hộ tiền để làm đường giao thông nông thôn có xác nhận của Chủ tịch UBND xã NĐ; bị cáo được tặng kỷ niệm chương Cựu chiến binh; bị cáo có **bố đẻ** là ông Tạ Hữu C được tặng Huy chương chiến thắng hạng Nhì; bị cáo tham gia ủng hộ quỹ khuyến học, quỹ vì người nghèo, xây dựng đường làng, hiến đất làm đường tại địa phương và có xác nhận của địa phương. Do vậy các bị cáo T3, H được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo T3 được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn S, bị cáo nộp thêm 48.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh để khắc phục hậu quả; ngày 20/3/2025 bị cáo có công trong việc tố giác hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy được Công an phường TK xác nhận nên áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, u khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn Tr nộp 19.050.000 đồng; bị cáo Phùng Văn Th1 nộp thêm 20.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ nộp thêm 94.710.434 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh; ngày 03/01/2025 bị cáo có công trong việc tố giác hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy được Công an phường HM xác nhận; từng tham gia quân đội bị mất sức lao động 31% nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, u khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Hoàng Văn K có bố đẻ là ông Hoàng Văn K được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng Ba, Huân chương kháng chiến hạng Ba; mẹ đẻ là bà Hoàng Thị S được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì, huy chương kháng chiến hạng Nhất; vợ là bà Hoàng Thị L được tặng Bằng khen; bị cáo tham gia ủng hộ tiền công làm đường làng năm 2021, ủng hộ quỹ vì người nghèo năm 2024, năm 2025. Bị cáo Hoàng Thế Tr1 tích cực tham gia ủng hộ quỹ vì người nghèo năm 2024, năm 2025; ủng hộ quỹ phòng chống dịch bệnh Covid 19 tại địa phương. Do vậy áp dụng thêm cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Đỗ Duy T nộp thêm 86.500.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh; ngày 12/3/2025 bị cáo đã cứu giúp 02 cháu bé bị tai

nạn; bị cáo có vợ là bà Lê Thị H bị tâm thần phân liệt; bố bị cáo là ông Đỗ Duy M được tặng Huy hiệu 60 năm tuổi đảng; bị cáo được tặng thưởng nhiều giấy khen, kỷ niệm chương; tham gia ủng hộ xây dựng đường giao thông nông thôn tại thôn TĐ nên áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, u khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Đặng Thái D tích cực tham gia ủng hộ Quỹ vì người nghèo năm 2025, hiến đất xây dựng đường giao thông giữa hai thôn ĐV và LT, Đại Đồng, VL, Hưng Yên; có đơn xin giảm nhẹ hình phạt của các cơ quan, đoàn thể tại địa phương nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Xuân Kh1 tích cực tham gia vào công tác phòng chống dịch bệnh Covid; ủng hộ quỹ vì người nghèo; ngày 19/10/2024 cứu cháu Nguyễn Thị Hà V bị đuối nước nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm u khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Lê Văn L nộp thêm 9.050.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh, được tặng huy hiệu 30 năm tuổi đảng nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo trên như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn X, Đỗ Văn Đ1, án sơ thẩm đã xem xét đầy đủ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo và xử bị cáo Xuân 10 năm tù, bị cáo Đ1 7 năm tù là phù hợp, không nặng. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ gì mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn X và Đỗ Văn Đ1, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo.

Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Đặng Thái D, Nguyễn Văn Tr và Tạ Hữu H, HĐXX xét thấy các bị cáo đều bị áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội hai lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS và những lần phạm tội đều thuộc trường hợp nghiêm trọng. Số tiền gây thiệt hại lớn và có vai trò cao trong vụ án. Do đó căn cứ Khoản 5 Điều 1 Nghị quyết 01 ngày 15/4/2022 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao thì các bị cáo Tr, H, D không đủ điều kiện để được hưởng án treo. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của của các bị cáo Nguyễn Văn Tr, Tạ Hữu H và Đặng Thái D.

Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Hoàng Thế Tr1, HĐXX xét thấy, bị cáo Tr1 là kế toán của thôn, làm việc theo chỉ đạo của Bí thư và Trưởng thôn, số tiền bị cáo cùng các bị cáo khác gây thiệt hại là 531.737.500 đồng, bị cáo phạm tội với vai trò giúp sức, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Do vậy, không cần phải bắt bị cáo cách ly khỏi xã hội mà cần mở lượng khoan hồng cho bị cáo được cải tạo tại địa phương như đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là phù hợp.

Đối với kháng cáo của bị cáo Đ đề nghị xem xét về phần dân sự đối với hộ bà Nguyễn Thị Yên. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bị cáo xin rút lại yêu cầu này để các bị cáo tự giải quyết, do vậy HĐXX không xem xét.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn X, Đỗ Văn Đ1 đều trên 60 tuổi nên được miễn án phí hình sự phúc thẩm; các bị cáo còn lại được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn X, Đỗ Văn Đ1, giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với các bị cáo.

Áp dụng khoản 3, Điều 356; các điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt **Nguyễn Văn X** 10 (Mười) năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn tù tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 26/6/2025.

Áp dụng khoản 3, Điều 356; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt: **Đỗ Văn Đ1** 07 (Bảy) năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự:

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn S, Đỗ Duy T, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Tr, Phùng Văn Th1, Hoàng Văn K, Hoàng Thế Tr1, Tạ Hữu H, Đặng Thái D, Tạ Huy T3; Lê Văn L, Nguyễn Xuân Kh1, sửa một phần Bản án sơ thẩm:

1. Áp dụng khoản 3, Điều 356; các điểm b, s, x, u khoản 1 và **khoản 2** Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt: **Nguyễn Văn S** 07 (Bảy) năm tù về tội “Lợi dụng chức

vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Áp dụng khoản 3, Điều 356; các điểm b, s, v, **u** khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt: **Nguyễn Văn Đ** 07 (Bảy) năm tù; **Đỗ Duy T** 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn tù đối với mỗi bị cáo tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Áp dụng khoản 3, Điều 356; các điểm b, s, t khoản 1 và **khoản 2** Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt **Tạ Huy T** 05 (Năm) năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

4. Áp dụng khoản 3, Điều 356; các điểm **b**, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt: **Phùng Văn Th**1, **Nguyễn Văn Tr** mỗi bị cáo 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn tù đối với mỗi bị cáo tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 26/6/2025.

5. Áp dụng khoản 3, Điều 356; các điểm b, s, u khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt: **Nguyễn Xuân Kh**1 06 (Sáu) năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn tù tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 26/6/2025.

6. Áp dụng khoản 3, Điều 356; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt: **Lê Văn L** 06 (Sáu) năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

7. Áp dụng khoản 2, Điều 356; các điểm b, s, x khoản 1 và **khoản 2** Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt: **Tạ Hữu H** 30 (Ba mươi) tháng tù về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

8. Áp dụng khoản 3, Điều 356; các điểm b, s, u, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58; khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt: **Đặng Thái D** 30 (Ba mươi) tháng tù về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn tù tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 26/6/2025.

9. Áp dụng **khoản 2, Điều 356**; các điểm b, s, v, x khoản 1 và **khoản 2** Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt: **Hoàng Văn K** 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “Lợi dụng

chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

10. Áp dụng **khoản 2, Điều 356**; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65; Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt: **Hoàng Thế Tr1** 36 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Hoàng Thế Tr1 cho Ủy ban nhân dân xã NĐ, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng Điều 347 Bộ luật tố tụng hình sự: Quyết định bắt tạm giam các bị cáo Nguyễn Văn X, Phùng Văn Th1, Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Xuân Kh1 và Đặng Thái D mỗi bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm để bảo đảm việc thi hành án.

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Văn S đã nộp 48 triệu đồng theo biên lai thu tiền số 0000311 ngày 01/4/2025, bị cáo Tạ Huy T3 đã nộp 188 triệu đồng theo biên lai thu tiền số 0000292 ngày 18/3/2025 và số 0000339 ngày 12/6/2025, bị cáo Đỗ Duy T đã nộp 86.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000317 ngày 08/4/2025, bị cáo Nguyễn Văn Đ đã nộp 94.710.343 đồng theo biên lai thu tiền số 0000312 ngày 01/4/2025 và số 0000318 ngày 10/4/2025, bị cáo Lê Văn L đã nộp 9.050.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000280 ngày 10/3/2025, bị cáo Nguyễn Văn Tr đã nộp 19.050.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000281 ngày 10/3/2025, bị cáo Phùng Văn Th1 đã nộp 20.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000282 ngày 10/3/2025 tại Chi cục thi hành án thị xã TT, Bắc Ninh.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Nguyễn Văn X, Đỗ Văn Đ1 được miễn án phí hình sự phúc thẩm; các bị cáo còn lại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ 1 – TAND tối cao; TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng PC 10 - Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh;
- CQCSĐT; VKS; TAND TX TT;
- UBND xã NĐ, TX TT;
- Các bị cáo;
- Lưu HS, VP.

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Hòa